

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 36/2022/DS - PT

Ngày: 17/5/2022

V/v tranh chấp lỗi đi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quế.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Minh Lý và bà Nguyễn Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thúy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 và ngày 17 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 76/2021/TLPT - DS ngày 27 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp lỗi đi.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2021/DS - ST ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 95/QĐPT - DS ngày 02 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Đồng nguyên đơn:

1.1. Ông Trần Văn Q, sinh năm 1962;

1.2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1962 (vợ ông Q);

Đều trú tại: Xóm BĐ3, xã BS, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Ông Trần Văn Q. Văn bản ủy quyền ngày 01/6/2020. Ông Q có mặt tại phiên tòa.

2. Đồng bị đơn:

2.1. Anh Đỗ Văn Đ, sinh năm 1977;

2.2. Chị Nguyễn Thị O(vợ anh Đ), sinh năm 1978;

Đều trú tại: Xóm Bá V1, xã BS, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo ủy quyền của chị O: Anh Đỗ Văn Đ. Văn bản ủy quyền ngày 24/6/2020. Anh Đ có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Nguyễn Công G- Văn phòng Luật sư Dương Tuấn G1và cộng sự - Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên (có mặt tại phiên tòa).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3. 1. Ông Nguyễn Kiên H, sinh năm 1959;

3. 2. Bà Đỗ Thị S(vợ ông H); sinh năm 1962;

Đều trú tại: Xóm Bá V1, xã BS, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Sinh: Ông Nguyễn Kiên H (văn bản ủy quyền ngày 24/6/2020, ông H có mặt).

3. 3. Anh Nguyễn Kiên B, sinh năm 1978;

3. 4. Chị Đào Thị H1(vợ anh B), sinh năm 1982;

Đều trú tại: Xóm BĐ2, xã BS, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên (đều vắng mặt).

3. 5. UBND xã BS, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Mã Thị D - Cán bộ địa chính xã (văn bản ủy quyền số 547 ngày 07/6/2021, bà D có đơn xin vắng mặt).

4. Người làm chứng:

4. 1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966;

4. 2. Ông Vũ Văn T1;

Đều trú tại: Xóm BĐ1, xã BS, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên.

4. 3. Ông Lê Văn Tr, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Xóm BĐ3, xã BS, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên.

4. 4. Bà Nguyễn Thị Th2, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Xóm BĐ3, xã BS, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên (những người làm chứng đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn vợ chồng ông Trần Văn Q bà Nguyễn Thị L trình bày: Năm 1982 vợ chồng ông đến sinh sống tại thửa đất số 46, tờ bản đồ địa chính số 96-I tại Xóm BĐ3, xã BS, thành phố SC, Thái Nguyên; Năm 2008 UBND thị xã Sông Công (nay là thành phố SC) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Văn Q, Nguyễn Thị L. Từ khi gia đình ông sử dụng thì con đường mòn đi vào thửa đất số 46 rộng khoảng 05 đến 06m. Tiếp giáp con đường này vào thời điểm đó có hộ gia đình ông, hộ gia đình ông Nguyễn Kiên H, hộ gia đình ông Đỗ Văn Ch. Năm 1993 sau khi ông Ch đổi đất cho nhà ông Đỗ Quang Đ1 (là bố anh Đ) thì gia đình ông Đ1 có trồng hàng dừa đại làm ranh giới cách mép đường bê tông hiện nay khoảng 1,2 đến 1,5m. Sau này gia đình anh Nguyễn Kiên B, chị Đào Thị H1 có một thửa đất trồng chè phía trong nhà ông H cũng sử dụng con đường đi chung này.

Khoảng năm 2013 hộ ông Nguyễn Kiên H đổ con đường bê tông rộng 2,5m, dài khoảng 30m. Sau đó đến năm 2015 vợ chồng ông san gạt con đường và tiếp tục đổ bê tông rộng 2,5m; dài khoảng 80m, dự định sau này sẽ mở rộng con đường thành 4m để phát triển kinh tế gia đình. Khi đó con đường không có bờ cao bờ thấp như hiện trạng mà có độ dốc thoải thoải, vợ chồng ông chưa có điều kiện kinh tế nên chỉ san gạt 2,5m chiều rộng để đổ bê tông.

Khoảng năm 2010 hộ anh Đỗ Văn Đ sử dụng thửa đất số 93 và 94 tờ bản đồ địa chính 96-I giáp ranh một bên với con đường đi vào nhà ông đã phá một đoạn hàng rào dừa đại làm ranh giới đường (đoạn 30 m đầu tiên của con đường

giáp với nhà ông H), múc ao lấn vào diện tích đường. Đến năm 2016 thì anh Đ tiếp tục phá hàng rào dựa đại là ranh giới con đường tiếp giáp với thửa đất nhà ông và trồng keo, xoan. Năm 2018 ông Nguyễn Kiên H đã xây thêm một đoạn tường rào lấn chiếm vào con đường đi chung. Ông đã làm đơn yêu cầu UBND xã BS hòa giải nhưng không thành nên khởi kiện ông H, bà Sinh (vợ ông H), anh Đ, chị O (vợ anh Đ) tại Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần Văn Q đã rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Kiên H và bà Đỗ Thị S.

Nay ông Q khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc hộ anh Đỗ Văn Đ phải chặt cây cối trả lại con đường đi chung rộng 3,5m, dài khoảng 60m (rộng thêm 01m so với hiện trạng).

Bị đơn anh Đỗ Văn Đ trình bày: Về nguồn gốc đất tại thửa số 93, 94 tờ bản đồ địa chính 96-I tại xóm Bá V1, xã BS, thành phố SC, Thái Nguyên nguồn gốc là do bố anh là ông Đỗ Quang Đ1 đổi đất với ông Đỗ Văn Ch từ năm 1993, hiện nay chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trước khi được đổ bê tông con đường chỉ là 01 lối mòn cho các hộ đi vào ruộng sản xuất, có bờ cao bờ thấp như hiện trạng đến nay, không có việc gia đình anh lấn chiếm con đường đi vào nhà ông Q. Năm 1997 gia đình anh trồng hàng dừa đại, keo, xoan làm ranh giới đường nhưng có trồng lùi vào phần đất thuộc quyền quản lý của nhà anh khoảng 0,5m. Năm 2000 ông Đ1 bố anh cho anh quản lý sử dụng thửa số 93, 94 không có tranh chấp. Đến năm 2018 nhà ông Q tranh chấp yêu cầu mở rộng con đường ngõ, xóm đi vào các hộ. Anh xác định anh sử dụng nguyên trạng từ khi bố anh đổi đất với ông Chử, không lấn chiếm vào đường đi chung, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Ông Nguyễn Kiên H trình bày: Ông là anh trai bà L (vợ ông Q). Từ năm 1985 khi ông xây dựng gia đình, bố mẹ cho vợ chồng ông quản lý, sử dụng thửa đất số 91, 92 tờ bản đồ 96-I có địa chỉ tại xóm Bá V1, xã BS không có tranh chấp với ai. Ngày 27/7/2009 ông được UBND thị xã Sông Công cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Kiên H và Đỗ Thị S. Ông Q sau khi kết hôn với em gái ông mới được bố mẹ ông cho thửa đất số 46 tờ bản đồ 96-I. Thời điểm đó con đường có gia đình ông, gia đình ông Q, gia đình ông Chử chung. Lúc đó chỉ là con đường mòn rộng khoảng 1,5m. Sau đó ông Q có thuê máy ủi đến san gạt tạo nên bờ cao, bờ thấp của con đường như hiện trạng. Năm 2013 gia đình ông đổ đường bê tông rộng 2,5m, dài khoảng 30m. Cùng năm 2013 ông xây tường rào dài 30m giáp con đường đi. Năm 2018 ông tiếp tục xây tường rào dài 14 m.

Nay vợ chồng ông Q, bà L khởi kiện buộc hộ gia đình anh Đ phải chặt cây cối trả lại độ rộng con đường 3,5m ông không nhất trí vì con đường từ trước đến nay chưa bao giờ rộng như thế, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Anh Nguyễn Kiêm B trình bày: Năm 2001 anh và chị Đào Thị H1 được bố mẹ cho một thửa đất trồng chè giáp với nhà ông H và nhà ông Q. Gia đình anh sử dụng chung con đường đi hiện đang tranh chấp giữa nhà ông Q và anh Đ. Gia đình anh sinh sống trên thửa đất này từ năm 2001 đến năm 2010 mới chuyển sang trồng chè. Con đường này trước khi được đổ bê tông là một con đường mòn rộng khoảng 1,5 đến 02m đủ 01 xe cải tiến đi vào ruộng canh tác phía trong. Anh được biết ông Q còn xin ông H 0,5m để đổ bê tông con đường rộng 2,5m như hiện trạng. Phía giáp ranh nhà anh Đ có hàng rào dứa dại làm ranh giới. Anh không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Q và bà L, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Đại diện UBND xã BS trình bày: Con đường đi đang tranh chấp hiện không nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình nào và thuộc quyền quản lý của UBND xã BS. UBND xã đã phối hợp cùng các phòng chuyên môn thành phố SC, đại diện ban ngành đoàn thể xã, xóm Bá V1, trưởng Xóm BĐ3. Đại diện ban ngành đoàn thể xóm Bá V1 khẳng định HTX Bá Vtrước đây, xóm Bá V1 hiện nay và UBND xã BS qua các thời kỳ chưa bao giờ quản lý con đường đi vào hộ ông Q, ông H rộng như trên bản đồ địa chính thể hiện. Việc bản đồ địa chính đo vẽ năm 1991, 1992 thể hiện con đường rộng trung bình 4 - 9m là chưa chính xác và không phù hợp với thực tế, trên hiện trạng con đường vào hộ ông Q, ông H có bờ cao, bờ thấp rõ ràng. Nay ông Q, bà L đề nghị con đường rộng như bản đồ địa chính là không phù hợp với thực tế sử dụng, UBND xã BS thống nhất quản lý con đường đi vào hộ ông Q, ông H theo hiện trạng đường đi có độ rộng đã đổ bê tông là 2,5m.

Các đương sự đều thống nhất về hiện trạng con đường tranh chấp phù hợp với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 29/7/2020 và ngày 12/5/2021, trích đo hiện trạng sử dụng đất ngày 02/6/2021 như sau: Con đường bê tông có độ rộng 2,5m, chiều dài điểm đầu giáp đường đi liên xóm, điểm cuối giáp vườn chè nhà anh Đ. Phía giáp với hộ ông H đã có tường rào xây bằng gạch silicat. Phía giáp nhà anh Đ có hàng cây xoan làm ranh giới, đất nhà anh Đ cao hơn mặt đường bê tông trung bình 0,3 đến 0,7m. Với vị trí tứ cận:

- Phía Đông con đường giáp thửa đất 94, 93, 34 thuộc tờ bản đồ 96-I là đất hộ anh Đ;

- Phía Tây con đường giáp thửa 92, 91, tờ bản đồ 96-I là đất hộ ông H, anh B.

- Phía Bắc vẫn tiếp nối con đường này nhưng chưa được đổ bê tông và không có tranh chấp.

- Phía Nam giáp với đường trục chính của xóm.

Với nội dung nêu trên tại bản án sơ thẩm số 12/2021/DS - ST ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 228, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 170 của Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính; Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn ông Nguyễn Kiên H và bà Đỗ Thị S.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn Q, bà Nguyễn Thị L đối với anh Đỗ Văn Đ và chị Nguyễn Thị O.

3. Buộc anh Đỗ Văn Đ và chị Nguyễn Thị O phải tự chặt bỏ, thu hoạch số cây cối mà anh Đ, chị O đã trồng trong phạm vi 01(một) mét chiều rộng tính từ mép đường bê tông về phía thửa số 93, 94 tờ bản đồ địa chính 96-I xã BS, thành phố SC, Thái Nguyên, trả lại diện tích 58,4m² cho con đường đi chung (theo bản đồ đo hiện trạng ngày 02/6/2021 là đoạn nối các điểm từ 01 đến 25, có sơ đồ đo hiện trạng ngày 02/6/2021 kèm theo).

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; đo đạc và định giá tài sản: Nguyên đơn ông Trần Văn Q, bà Nguyễn Thị L tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; đo đạc và định giá tài sản (đã quyết toán xong).

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đỗ Văn Đ, chị Nguyễn Thị O phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ông Trần Văn Q được hoàn trả 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007956 ngày 08 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố SC, Thái Nguyên.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/9/2021 anh Đỗ Văn Đ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị hủy bản án sơ thẩm hoặc bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Đỗ Văn Đ vẫn giữ nguyên nội dung đã kháng cáo. Cụ thể anh Đ đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nghe lời trình bày của các đương sự; Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Hội đồng xét xử nhận xét:

[1] Xét kháng cáo của anh Đỗ Văn Đ thấy rằng: Về nguồn gốc hình thành, quá trình sử dụng con đường tranh chấp thì các đương sự đều thừa nhận thực tế có tồn tại một con đường đi chung nối từ đường dân sinh liên xóm đi vào đất các hộ ông Trần Văn Q và bà Nguyễn Thị L, hộ ông Nguyễn Kiên H và bà Đỗ Thị S, hộ anh Đỗ Văn Đ và chị Nguyễn Thị O, hộ anh Nguyễn Kiên B và chị Đào Thị H1, đây là loại đường ngõ, xóm. Con đường này đã được hình thành từ lâu đời là lối đi vào đất của các gia đình có các thửa ruộng phía bên trong. Trước khi được đổ bê tông là một lối mòn không có ranh giới, mốc giới rõ ràng. Hộ ông Trần Văn Q và hộ ông Nguyễn Kiên H đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hộ anh Đỗ Văn Đ chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hộ anh Nguyễn Kiên B sử dụng một phần thửa 92 tờ bản đồ 96-I của hộ ông Nguyễn Kiên H. Năm 2013 hộ ông Nguyễn Kiên H đổ con đường bê tông rộng 2,5m, dài khoảng 30m. Sau đó đến năm 2015 vợ chồng ông Q san gạt con đường và tiếp tục đổ bê tông rộng 2,5m; dài khoảng 80m. Con đường này không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bất cứ hộ gia đình nào là đúng thực tế. Tuy nhiên bản đồ địa chính đo đạc năm 1990 thì lại thể hiện đoạn rộng nhất của con đường đang tranh chấp là 11,5m, đoạn hẹp nhất là 4,6m. Về phía địa phương UBND xã BS cho biết quan điểm của xã như sau: Con đường đang tranh chấp hiện tại không nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình nào và thuộc quyền quản lý của UBND xã BS. UBND xã BS đã phối hợp cùng các phòng chuyên môn thành phố SC, đại diện ban ngành đoàn thể xã, xóm Bá V1, trưởng Xóm BĐ3 đều khẳng định Hợp tác xã Bá V trước đây, (nay là xóm Bá V1) và UBND xã BS qua các thời kỳ chưa bao giờ quản lý con đường đi vào hộ ông Q, ông H rộng như trên bản đồ địa chính thể hiện. Việc bản đồ địa chính đo vẽ năm 1991, 1992 thể hiện con đường rộng trung bình 4 - 9m là chưa chính xác và không phù hợp với thực tế, trên hiện trạng con đường vào hộ ông Q, ông H có bờ cao, bờ thấp rõ ràng. Nay ông Q, bà L đề nghị con đường rộng như bản đồ địa chính là không phù hợp với thực tế sử dụng, UBND xã BS thống nhất quản lý con đường đi vào hộ ông Q, ông H theo hiện trạng đường đi có độ rộng đã đổ bê tông là 2,5m.

[2] Trước hết xem xét vợ chồng ông Trần Văn Q và bà Nguyễn Thị L có quyền khởi kiện vụ án theo Điều 186 và Điều 187 của Bộ luật tố tụng dân sự hay không, thì thấy rằng: Tại Điều 186 có quy định “cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền tự mình hoặc thông qua người đại diện hợp pháp khởi kiện vụ án tại Tòa án có thẩm quyền để yêu cầu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.” Tại khoản 4 Điều 187 có quy định “Cơ quan, tổ chức, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có quyền khởi kiện vụ án dân sự để yêu cầu Tòa án bảo vệ lợi ích công cộng, lợi ích nhà nước thuộc lĩnh vực mình phụ trách hoặc theo quy định của pháp luật”. Như vậy căn cứ vào các quy định trên thì vợ chồng ông Trần Văn Q và bà Nguyễn Thị L không có quyền khởi kiện vụ án yêu cầu mở

rộng đường đi chung của ngõ, xóm. Nếu con đường đi chung đó hẹp không đủ rộng để cho các hộ dân sử dụng sinh hoạt hàng ngày mà buộc phải mở rộng thì UBND xã, phường, thị trấn là người có quyền đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, còn các hộ gia đình sử dụng chung con đường đi mà có sự lấn chiếm làm cho lòng đường bị thu hẹp lại thì UBND xã, phường, thị trấn có quyền yêu cầu các hộ gia đình sử dụng lấn chiếm phải trả lại con đường theo quy định, nếu các hộ lấn chiếm không thực hiện yêu cầu của UBND xã, phường, thị trấn thì UBND xã, phường, thị trấn có quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 187 đã viện dẫn nêu trên. Tòa án cấp sơ thẩm đáng lẽ phải căn cứ vào điểm a, khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự, trả lại đơn khởi kiện cho vợ chồng ông Trần Văn Q và bà Nguyễn Thị L mới đúng quy định của pháp luật, do vậy kháng cáo của anh Đỗ Văn Đ là có căn cứ.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Đ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh Đ, bác yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Trần Văn Q và bà Nguyễn Thị L là có căn cứ như đã phân tích nêu trên.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phát biểu về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh Đ, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Q và bà Nguyễn Thị L là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận kháng cáo của anh Đỗ Văn Đ, sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2021/DS - ST ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên.

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Q, bà Nguyễn Thị L đối với anh Đỗ Văn Đ và chị Nguyễn Thị O.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định, định giá tài sản: Ông Trần Văn Q, bà Nguyễn Thị L tự nguyện chịu (đã quyết toán xong).

3. Về án phí:

3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn Q phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận ông Q đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí đã nộp số 0007956 ngày 08

tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên.

3.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Đỗ Văn Đ không phải chịu tiền án phí phúc thẩm. Được trả lại 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0008235 ngày 29/9/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố SC;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THADS TP Sông Công;
- UBND thành phố SC;
- UBND xã BS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Quế